

HOA NÔNG NỮ CHỖ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :291

Sang : Bún riêu cua thớt cà chua trứng gà
nấu hủ ngó gai
Sữa grow
Trưa : Cơm cà ba sa om nghe cà rốt hành
tay. Canh mướp mong tời rau đen tôm khô
thịt heo nạc
Món luộc: bầu
Tráng miệng: Chuối cau
Xe: Sữa grow
Xe chiều: Bánh canh tôm tời thịt cà rốt nam
mướp bắp

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37035				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Đơn giá(đ/100g)	Thành tiền(đ)
	*CHỖ			
1	Ram (muối)	2,000	1,060	21,200
2	Tôm biền	3,500	34,970	1,223,950
3	Cua đồng	1,000	19,800	198,000
4	Tôm khô	300	78,100	234,300
5	Cà ba sa	10,000	13,550	1,355,000
6	Nước mắm Cà (loại 1)	4,000	5,940	237,600
7	Dầu thảo mộc	4,000	6,280	251,200
8	Nồng cat	4,000	3,880	155,200
9	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
10	Xì dầu	1,000	990	9,900
11	Nghe tời	300	5,460	16,380
12	Gạo tẻ may	18,000	2,630	473,400
13	Ngó (bắp) tời	1,000	3,990	39,900
14	Hành lá	1,500	5,360	80,400
15	Hành củ tời	1,000	5,780	57,800
16	Cà rốt	5,000	5,460	273,000
17	Nam rôm	500	13,130	65,650
18	Giá nấu xanh	1,000	2,520	25,200
19	Mướp	8,000	3,990	319,200
20	Cà chua	3,500	5,670	198,450
21	Rau mui tau (ngó gai)	100	6,410	6,410
22	Rau đen	2,500	4,100	102,500
23	Rau mong tời	2,500	4,520	113,000
24	Bí (bầu)	4,000	3,780	151,200
25	Hành tây	1,000	3,570	35,700
26	Bún	18,000	1,710	307,800
27	Nấu hủ chiên	3,000	3,300	99,000
28	Bánh canh	20,000	2,200	440,000
29	Thịt lợn nạc	7,700	18,060	1,390,620
30	Chuối cau	22,000	2,680	589,600
31	Trứng vịt	2,500	5,400	135,000
Cong				8,645,260
	*XUẤT KHO			
32	Sữa bột Abbott Grow	10,400	20,500	2,132,000
Cong				2,132,000
Tổng tiền thức phẩm				10,777,260 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nộp chi trong ngày				10767000(đ)
Số dư đầu ngày				0(đ)
Số dư cuối ngày				-10260(đ)
Xuất ăn lũy kế từ đầu tháng				
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng				